



*V/v Báo cáo, kiến nghị có ý kiến tháo gỡ các
vướng mắc, bất cập trong một số quy định
ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của DN
thủy sản Việt Nam*



Kính gửi: Bộ Công Thương

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) cùng các doanh nghiệp thủy sản hội viên trên toàn quốc chân thành cảm ơn Quý Bộ đã luôn hỗ trợ VASEP và các doanh nghiệp thủy sản tháo gỡ các vướng mắc, bất cập trong công tác cải cách thủ tục hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh theo các Nghị quyết 19 của Chính phủ thời gian qua.

Chính phủ đã 3 năm liên tiếp có các Nghị quyết 19 và nhiều chỉ đạo tích cực, nhưng trong thời gian qua, quá trình sửa đổi các văn bản pháp quy đã được nhận diện vẫn còn diễn ra chưa nhanh trong khi lại phát sinh thêm một số nội dung bất cập mới, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DN, tạo thêm các chi phí không đáng có, ảnh hưởng bất lợi tới khả năng cạnh tranh của DN thủy sản Việt Nam. Trong đó phát sinh một số vấn đề thuộc lĩnh vực Y tế, Tài chính và môi trường.

Những vấn đề này cũng đã được Hiệp hội báo cáo và kiến nghị tại Hội nghị triển khai Nghị quyết 19-2017 tổ chức ngày 10/3/2017 do VPCP và Bộ KHĐT tổ chức, và cũng đã có văn bản gửi đến các Bộ chủ quản của vấn đề. Trên cơ sở cập nhật các thông tin và ý kiến từ các DN Hội viên, Hiệp hội VASEP báo cáo Quý Bộ các vấn đề vướng mắc mà DN đang đặc biệt quan tâm trong ba lĩnh vực kể trên, và kính đề nghị Bộ Công Thương có ý kiến để các Bộ Ngành quan tâm tháo gỡ kịp thời, cụ thể như sau:

I. VỚI MỘT SỐ NỘI DUNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ Y TẾ:

A. Sửa đổi, bổ sung Nghị định 38/2012/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ATTP

1) Về phạm vi công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm:

Kiến nghị: Việc sửa đổi Nghị định 38/2012 cần thực hiện đúng theo quy định tại Điều 12 của Luật ATTP và các Nghị quyết liên quan của Chính phủ (NQ 103-2016/NQ-CP và NQ 19/2017/NQ-CP), theo đó Dự thảo Nghị định sửa đổi phải đảm bảo:

- Chỉ đăng ký bản công bố hợp quy với thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn với CQNN có thẩm quyền trước khi lưu thông trên thị trường;
- Bãi bỏ quy định cấp Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP do không có quy định trong Luật ATTP và thực hiện thời gian 4 năm qua cho thấy sự bất cập, vướng mắc như tính chất của một “giấy phép con”.
- Miễn thực hiện việc công bố hợp quy và công bố sự phù hợp quy định an toàn thực phẩm ATTP, miễn ghi nhãn tiếng Việt Nam đối với thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói,

chứa đựng thực phẩm nhập khẩu vào Việt Nam dùng để sản xuất xuất khẩu, gia công hàng xuất khẩu và nhập kinh doanh để sản xuất tiếp hàng xuất khẩu, không tiêu thụ tại thị trường trong nước (Mục 3, NQ 103/NQ-CP).

Lý do:

i) Theo Luật An toàn thực phẩm: Tại Điều 12, Luật ATTP chỉ quy định phương thức đăng ký bản công bố hợp quy tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với thực phẩm chế biến bao gói sẵn, **không quy định** phương thức “công bố phù hợp với quy định ATTP”.

“Điều 12. Điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm đã qua chế biến

“3. Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn phải đăng ký bản công bố hợp quy với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi lưu thông trên thị trường.

Chính phủ quy định cụ thể việc đăng ký bản công bố hợp quy và thời hạn của bản đăng ký công bố hợp quy đối với thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn”

Luật Tiêu chuẩn & Quy chuẩn kỹ thuật 2006 đã quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước liên quan phải xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật cho sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý. Nghị định 38/2012/NĐ-CP hướng dẫn Luật ATTP đã thực hiện 4 năm qua, với quy định (tại Điều 3 & 4, NĐ 38/2012) việc các tổ chức, cá nhân phải thực hiện công bố phù hợp ATTP với những sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho đến khi có quy chuẩn tương ứng. Tuy nhiên, quy định này của Nghị định 38/2012 không thể là “bước đệm” kéo dài cho việc chậm trễ nào đó của các CQ nhà nước quy định trong Luật Tiêu chuẩn Quy chuẩn kỹ thuật, và vô tình tạo gánh nặng cho xã hội bao gồm cả các cơ quan nhà nước quản lý về an toàn thực phẩm và các tổ chức, cá nhân.

ii) Theo Nghị quyết 19/2017/NQ-CP của Chính phủ: Chủ trương rà soát và đơn giản thể hiện rõ tại khoản d), mục 1), phần III) cũng đã nêu rõ yêu cầu của Chính phủ: “...rà soát, sửa đổi các quy định về tiếp nhận công bố hợp quy đối với hàng hóa nhập khẩu theo hướng bãi bỏ hoặc đơn giản hóa thủ tục; không yêu cầu tiếp nhận công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chưa có quy chuẩn quốc gia; ...; tách bạch hoạt động đánh giá sự phù hợp với hoạt động quản lý nhà nước theo đúng quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và pháp luật liên quan theo hướng cơ quan quản lý nhà nước không cấp Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với việc kiểm tra chuyên ngành.”

iii) Theo Nghị quyết 103-2016/NQ-CP của Chính phủ:

“Để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, gia công thực phẩm xuất khẩu, Chính phủ thống nhất cho phép doanh nghiệp được miễn kiểm tra Nhà nước về an toàn thực phẩm, công bố hợp quy và công bố sự phù hợp quy định an toàn thực phẩm, miễn ghi nhãn tiếng Việt Nam đối với thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm nhập khẩu vào Việt Nam chỉ dùng để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu, không tiêu thụ tại thị trường trong nước. Trong thời gian chưa sửa đổi các quy định pháp luật liên quan, thực hiện theo quyết nghị của Chính phủ”

iv) Yêu cầu “công bố phù hợp với quy định ATTP” đã tạo thêm khó khăn không cần thiết cho DN: Thủ tục cấp Giấy Xác nhận công bố phù hợp với quy định ATTP đã và đang tạo ra không ít nhiều khó khăn và khó khăn cho các tổ chức, cá nhân. Quy trình và hình thức thực hiện như hiện nay (quy định tại khoản 4) Điều 4) Nghị định 38/2012/NĐ-CP) với việc chờ đợi ít nhất 15 ngày làm việc để được cấp “giấy xác nhận” đang có tính chất tạo thêm

một “giấy phép con” cho các tổ chức, cá nhân, đi ngược lại tinh thần giảm bớt quy định & thủ tục hành chính trong giai đoạn hiện nay.

v) **Quy định này không phù hợp với thông lệ quốc tế:** hiện phương thức quản lý an toàn thực phẩm của nhiều nước trên thế giới (EU, Mỹ, Nhật Bản,...) không có phương thức tương tự. Các nước khác chỉ thực hiện công tác quản lý nhà nước dựa trên 3 hoạt động chính: đánh giá điều kiện SX, lấy mẫu phân tích và thanh-kiểm tra.

2) Về quy định hồ sơ, thủ tục đăng ký, tiếp nhận đăng ký và trả kết quả công bố hợp quy thực phẩm

Kiến nghị: Cần sửa đổi Nghị định 38 theo hướng đơn giản hóa các thành phần của hồ sơ đăng ký hợp quy, thủ tục đăng ký công bố hợp quy, tiếp nhận đăng ký và thông báo tiếp nhận công bố hợp quy dựa trên các nguyên tắc sau:

- Việc nộp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy là do Tổ chức, Cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm thuộc diện (như mục 1 kê trên) phải công bố hợp quy thực hiện;
- Cơ quan nhà nước chỉ thực hiện nhiệm vụ **tiếp nhận đăng ký và cấp “Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy”**;
- Đơn giản hóa: Sửa đổi quy định yêu cầu Cơ quan nhà nước tiếp nhận hồ sơ sẽ: “kiểm tra Hồ sơ xem hồ sơ có đủ không ngay khi DN nộp hồ sơ, và thời gian cấp “Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy” xuống còn tối đa là **3 ngày làm việc**.

Lý do:

- Thực tế hiện nay, Nghị định 38/2012/NĐ-CP đang quy định thủ tục đăng ký công bố hợp quy của các cá nhân, tổ chức có liên quan với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cấp, cấp lại, cấp đổi “*Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy*” có tính chất như là một hình thức cấp “Giấy phép con” và chưa đúng với tinh thần của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật ATTP, cũng như tinh thần của Nghị quyết 19/2017/NQ-CP thể hiện ở Khoản d, mục 1, Điểm III như đã nêu tại mục 1 ở trên.
- Bản chất của hoạt động đăng ký công bố hợp quy là việc tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm của mình phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và DN tự chịu trách nhiệm về việc công bố đó. Tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm phải nộp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy và cơ quan thẩm quyền thực hiện tiếp nhận và trả kết quả bằng hình thức “***Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy***” (Hiện tại, các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm về công bố hợp quy thuộc ngành khác như Khoa học Công nghệ, Xây dựng,... đều đang thực hiện hình thức này, chứ không cấp “*Giấy Tiếp nhận công bố hợp quy*” như ngành Y tế).
- Về thời gian làm hồ sơ công bố hợp quy: Để hoàn thành thủ tục công bố hợp quy cho nhiều loại sản phẩm, bao gồm sản phẩm cho tiêu thụ nội địa, DN cũng phải mất nhiều thời gian (*theo Khoản 4 Điều 4 Nghị định 38 là 15 ngày làm việc, tương đương khoảng 3 tuần*) và chi phí. Nhưng thực tế hiện nay, thời gian để DN làm thủ tục để được cấp Giấy Xác nhận không chỉ là 3 tuần như qui định trên, mà thông thường còn mất nhiều thời gian hơn thậm chí là gấp đôi thời gian quy định. Nguyên nhân là do nhiều trường hợp sau khi đã chờ đợi đến đủ 3 tuần, DN lại mới nhận được thông báo là hồ sơ không đạt, yêu cầu doanh nghiệp lên Chi cục nhận lại hồ sơ và văn bản Thông báo không đạt để về sửa lại hồ sơ. Doanh nghiệp lại tiếp tục nộp hồ sơ và được tính lại từ đầu là 15 ngày làm việc. Do vậy, thời gian làm thủ tục công bố hợp quy của DN thường rất lâu, dẫn đến nhiều khi các đối tác không thể chờ đợi nên đã chuyển sang mua hàng của nhà

cung cấp khác, làm DN mất khách hàng, mất cơ hội kinh doanh, ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.

- Thời gian đến 3 ngày làm việc cũng tương đương với thời gian cấp mới Giấy chứng nhận của các cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Bộ NNPTNT và một số Bộ Ngành khác.

3) Bổ sung nội dung “...và nhập kinh doanh để sản xuất tiếp hàng xuất khẩu” vào một số mục trong Dự thảo sửa Nghị định 38/2012:

Theo tinh thần khoản 3) Nghị quyết 103-2016/NQ-CP ngày 5/12/2016 thì đối tượng được miễn công bố hợp quy không chỉ có sản phẩm nhập khẩu để “sản xuất xuất khẩu, gia công xuất khẩu” mà còn có “nhập kinh doanh để sản xuất tiếp hàng xuất khẩu”. Vì mục đích này cũng hoàn toàn không để tiêu thụ nội địa mà để sản xuất tiếp hàng xuất khẩu.

Bởi vậy, đề nghị bổ sung câu “...nhập kinh doanh để sản xuất tiếp hàng xuất khẩu” vào những mục sau của Dự thảo:

- Mục 1) Điều 1 của Dự thảo - Bổ sung Khoản 2a vào Điều 3
- Khoản 2.i) Mục 5) Điều 1 của Dự thảo - Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 14
- “2. Các trường hợp sau đây được miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu
- Mục 6) Điều 1 của Dự thảo - Sửa đổi Khoản 1 Điều 18.

B. Kiến nghị tháo gỡ vướng mắc trong công bố phù hợp quy định ATTP cho sản phẩm sản xuất để tiêu dùng nội địa trong thời gian chưa sửa đổi Nghị định 38/2012
(Sau khi VASEP gửi 2 lần văn bản, thì đến 26/4/2017, Cục ATTP-Bộ Y tế có văn bản trả lời Hiệp hội số 1700/ATTP-SP – Nội dung trả lời chung chung, không trực tiếp giải quyết theo kiến nghị của Hiệp hội)

1. Về thời gian làm hồ sơ công bố phù hợp quy định ATTP:

❖ Quy định pháp lý:

Theo Khoản 1, Điều 5, Chương II Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 9/11/2012 (sau đây gọi tắt là Thông tư 19) về trình tự, hồ sơ công bố phù hợp quy định ATTP:

- Bước 1 - Đánh giá sự phù hợp quy định an toàn thực phẩm (dựa trên kết quả kiểm nghiệm):* Thông thường, thời gian để DN nhận được kết quả kiểm nghiệm mẫu là khoảng **1 tuần**.
- Bước 2 - Đăng ký bản công bố quy định an toàn thực phẩm (theo quy định tại điều 7 Thông tư 19):*

Theo Khoản 5, Điều 7 Thông tư 19: “*Cơ quan tiếp nhận đăng ký quy định tổ chức tiếp nhận, cấp Giấy tiếp nhận và Giấy xác nhận theo quy định tại Khoản 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 38/2012/NĐ-CP*” (sau đây gọi tắt là Nghị định 38)

Theo Khoản 4 Điều 4 Chương II Nghị định 38: “*Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải cấp Giấy Xác nhận công bố phù hợp an toàn thực phẩm*”.

Như vậy, nếu tính cả ngày thứ Bảy và Chủ nhật (chưa tính ngày lễ), thời gian trả kết quả là khoảng 3 tuần.

Nếu hồ sơ hợp lệ thì tính từ khi kiểm nghiệm đến khi nhận được Giấy Xác nhận Công bố Phù hợp ATTP (sau đây gọi tắt là Giấy Xác nhận) mất khoảng 1 tháng. Như vậy,

doanh nghiệp phải chờ ít nhất 1 tháng mới được bán hàng ra thị trường. Thời gian 1 tháng này là rất lâu trong bối cảnh kinh doanh cạnh tranh như hiện nay, dẫn đến nhiều khi các đối tác không thể chờ đợi được nên đã chuyển sang mua hàng của nhà cung cấp khác, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

Theo quy định trên, thời gian công bố hồ sơ mất 1 tháng, trong khi thời gian đợi Sở Y tế các tỉnh thành xét duyệt và cấp Giấy Xác nhận mất đến 21 ngày. Nhưng thực tế hiện nay, thời gian để Doanh nghiệp làm thủ tục cấp Giấy Xác nhận không chỉ là 1 tháng như qui định trên, mà thông thường còn mất gấp đôi hoặc thậm chí nhiều hơn thời gian quy định.

Nguyên nhân: là do sau khi đã chờ đợi đến 21 ngày, trong rất nhiều trường hợp doanh nghiệp lại nhận được thông báo là hồ sơ không đạt, yêu cầu doanh nghiệp lên Chi cục nhận lại hồ sơ và văn bản Thông báo không đạt để về sửa lại hồ sơ. Doanh nghiệp lại tiếp tục nộp hồ sơ và được tính lại từ đầu là 15 ngày làm việc.

Hiện nay, quy định của Bộ Y tế về thời gian cấp Giấy Xác nhận là 15 ngày làm việc, trong khi hiện tại thời gian để các cơ quan quản lý Nhà nước của Bộ NNPTNT cấp các giấy Chứng nhận chỉ là 1 - 3 ngày làm việc (*ví dụ theo Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT, thời gian để Cục Quản lý Chất lượng NLS và Thủy sản (NAFIQAD) cấp Giấy Chứng nhận ATTP là 3 ngày làm việc, cấp Chứng thư cho lô hàng XK là 1 ngày làm việc; Theo Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT, thời gian để các cơ quan Kiểm dịch Động vật cấp Giấy Chứng nhận chứng nhận kiểm dịch là 2 ngày làm việc*).

Kiến nghị: Quý Bộ có ý kiến đề Chính phủ xem xét chỉ đạo sửa đổi quy định về thời gian cấp Giấy Xác nhận chỉ nên là **3 ngày làm việc** (tương đương với thời gian để kiểm tra hồ sơ, cấp các giấy chứng nhận).

❖ Về công tác thực thi:

Việc thực hiện của các cán bộ được giao trách nhiệm thực thi cũng tạo ra thêm các tổn thất về thời gian không đáng có cho doanh nghiệp. Để không mất thêm thời gian 21 ngày nữa, một số Doanh nghiệp có nhờ kiểm tra viên xem lại hồ sơ nhưng nhiều trường hợp các cán bộ này từ chối vì lý do không có thời gian dù chỉ mất thời gian xem trong vòng 5-10 phút, trong khi nếu hồ sơ chưa đạt yêu cầu thì doanh nghiệp phải đợi thêm một số tuần nữa, mất đi rất nhiều cơ hội kinh doanh.

Ví dụ thực tế tại một DN đã từng đăng ký 1 bộ hồ sơ tại Sở Y tế Tp. Hồ Chí Minh với thời gian như sau:

- Ngày nhận hồ sơ: 11/01/2017 - ngày hẹn trả hồ sơ: 07/02/2017
- Ngày 07/02/2017: Doanh nghiệp nhận được văn bản Thông báo hồ sơ không đạt ký vào ngày 03/02/2017 (Doanh nghiệp có hỏi vì sao không báo khi hồ sơ không đạt nhưng Phòng tiếp nhận hồ sơ trả lời là họ mới chỉ nhận văn bản nên không báo trước cho Doanh nghiệp được).
- Ngày nộp lại hồ sơ: 08/02/2017 - Ngày hẹn trả hồ sơ: 28/02/2017.
- Ngày 14/02/2017: Doanh nghiệp có hỏi về bộ hồ sơ nhưng nhân viên thụ lý hồ sơ trả lời là chưa xem.

Như vậy, nếu tính từ ngày nộp lần đầu đến ngày hẹn trả hồ sơ lần 2 mất khoảng 1 tháng rưỡi (45 ngày) nhưng doanh nghiệp vẫn chưa biết kết quả là có được cấp Giấy Xác nhận hay không. Trong các điểm cần điều chỉnh, bổ sung hồ sơ có những nội dung Doanh

nghiệp làm giống như các bộ hồ sơ trước đã được duyệt nhưng bộ hồ sơ sau nhân viên khác kiểm tra hồ sơ thì lại có lỗi.

Kiến nghị: Quý Bộ có ý kiến đề Bộ Y tế có văn bản hướng dẫn cho các Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm các Tỉnh thành khi tiếp nhận hồ sơ có thể kiểm tra sơ bộ hồ sơ và hướng dẫn ngay cho Doanh nghiệp nếu phát hiện có thiếu sót nào trong hồ sơ nhằm giúp DN giảm thiểu các sai sót trong hồ sơ khi nộp, tiếp kiệm được thời gian chờ đợi, lưu kho và gia tăng cơ hội kinh doanh cho Doanh nghiệp.

2. Về việc thực hiện gia hạn hồ sơ công bố:

Theo khoản 1, 2, 3, 4 Điều 8 Chương II Nghị định 38 và theo khoản 1 Điều 9 chương II Thông tư 19: Nếu hồ sơ công bố hết hạn và sản phẩm không thay đổi về quy trình sản xuất thì doanh nghiệp tiến hành gia hạn lại hồ sơ (định kỳ 5 năm đối với các doanh nghiệp đã có hệ thống quản lý chất lượng theo HACCP, ISO 22000 hoặc tương đương).

Tuy nhiên, hiện nay việc thực hiện tại các Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm lại khác nhau. Chi cục thuộc Sở Y tế Tp. HCM không chấp nhận việc gia hạn hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp tiến hành công bố lại hồ sơ như một mặt hàng chưa được công bố.

Trả lời thắc mắc của doanh nghiệp về vấn đề này, Chi cục cho biết nguyên nhân là do Cục An toàn Thực phẩm (Bộ Y tế) chưa có hướng dẫn và cam kết Chi cục sẽ có ý kiến gửi đến lãnh đạo của Cục An toàn Thực phẩm nhưng chưa biết khi nào có câu trả lời. Trong khi đó, hiện nay Chi Cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm tỉnh Bình Thuận lại cho phép gia hạn theo đúng quy định pháp luật chứ không bắt buộc làm thủ tục công bố mới.

Việc yêu cầu công bố mới đối với các sản phẩm gia hạn lại gây khó khăn lớn cho doanh nghiệp do:

- a. *Về thời gian:* mất 21 ngày như đã nêu ở trên (mục I), trong khi thời gian quy định cho việc gia hạn lại chỉ 7 ngày làm việc (Khoản 4 Điều 8 Chương II Nghị định 38).
- b. *Về ghi nhãn hàng hóa:* Doanh nghiệp khi đã có Giấy Xác nhận công bố phù hợp an toàn thực phẩm thì sẽ tiến hành in hàng loạt bao bì để sản xuất. Nếu thay đổi lại bộ hồ sơ công bố thì số của Giấy Xác nhận do Chi Cục cấp là số mới nên nhãn phải thay đổi. Do đó Doanh nghiệp phải bỏ nhãn cũ, in lại nhãn mới, vô cùng tốn kém thêm chi phí và mất thêm thời gian. Ngoài ra, Doanh nghiệp còn phải giải quyết thêm nhiều vấn đề liên quan đến hàng tồn kho (đã đóng bao bì từ trước) và sản phẩm đang bán trên thị trường chưa tiêu thụ hết.

Kiến nghị: Quý Bộ có ý kiến đề

- Bộ Y tế có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chính thức về vấn đề này đến các Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm các Tỉnh thành để thống nhất cho phép gia hạn lại hồ sơ khi hồ sơ hết hạn.
- Bộ Y tế chủ trì đề xuất Chính phủ sửa đổi quy định để giảm thời gian trả kết quả gia hạn hồ sơ công bố chỉ còn trong vòng 3 ngày làm việc (tương đương với thời gian cấp mới Giấy chứng nhận của các cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Bộ NNPTNT hiện nay).

II. VỚI MỘT SỐ NỘI DUNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1. Bất cập trong mức thu phí và lệ phí cho Doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản tại các Thông tư mới ban hành theo Luật phí và Lệ phí 2015

Để tuân thủ các sửa đổi trong Luật Phí và Lệ phí 2015, Bộ Tài chính đã ban hành 4 Thông tư mới cũng bắt đầu có hiệu lực từ 1/1/2017 (Thông tư **230/2016/TT-BTC** ngày 11/11/2016, Thông tư **279/2016/TT-BTC** ngày 14/11/2016, Thông tư **285/2016/TT-BTC** ngày 14/11/2016, Thông tư **286/2016/TT-BTC** ngày 14/11/2016) quy định các mức thu phí và lệ phí trong lĩnh vực nông nghiệp, y tế, công thương, thú y, khai thác thủy sản và xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản.

Trong hơn 04 tháng qua, Hiệp hội VASEP đã tiếp tục nhận được nhiều phản ánh kiến nghị của các DN thành viên về những vướng mắc, bất cập liên quan đến các mức phí quy định trong 4 Thông tư nói trên. Ngay khi các Thông tư có hiệu lực thực thi, ngày 22/2/2017, trên cơ sở tổng hợp các phản ánh về các vướng mắc của DN liên quan đến các mức phí này, VASEP đã có công văn số 25/2017/CV-VASEP (sau đây gọi tắt là công văn 25) gửi Bộ Tài chính tiếp tục kiến nghị về các vướng mắc, bất cập trong các mức phí quy định tại 4 Thông tư nói trên.

Sau khi nhận được công văn số 25/VASEP, ngày **14/3/2017**, Vụ Chính sách Thuế, Bộ Tài chính đã tổ chức cuộc họp bàn tròn đối thoại xung quanh kiến nghị của VASEP tại công văn 25. Tiếp nối sau cuộc họp, Vụ Chính sách Thuế cũng chủ trì cùng VASEP và 3 đơn vị của Bộ NNPTNT thực hiện đi khảo sát-đánh giá thực tế và gặp gỡ trực tiếp các DN thủy sản vào từ 3-6/5/2017 tại Tp. Hồ Chí Minh, Cần Thơ và Cà Mau. Các nội dung bất cập tác động đến việc tăng chi phí DN đã được phản ánh với Đoàn trong suốt quá trình đi thực tế, và đã được đại diện Bộ Tài chính ghi nhận để làm cơ sở làm việc với Bộ NNPTNT trong quá trình rà soát-sửa đổi.

VASEP và các DN mong đợi các vấn đề được tháo gỡ sớm:

a. Kiến nghị làm rõ các công việc cần thiết trong hoạt động “Thẩm định”

Trong 4 Thông tư nói trên, có nhiều hạng mục thu được quy thành “*Phí thẩm định*”. Tuy nhiên, tại các Thông tư này đều không có mục nào giải thích các hoạt động/công việc cần thiết trong việc “*thẩm định*” này là bao gồm những hoạt động và công việc gì mà cơ quan nhà nước sẽ cung cấp/dịch vụ cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Vì đây là cơ sở, là khung quan trọng để xác định mức thu đúng theo nguyên tắc “*bù đắp chi phí*” của Luật Phí và Lệ phí.

Kiến nghị: Bộ Tài chính rà soát và bổ sung nội dung giải thích “*thẩm định*” là những công việc, khung công việc cụ thể nào trong phạm vi của mỗi Thông tư, để từ đó làm cơ sở khách quan, minh bạch cho mỗi mức phí.

b. Kiến nghị rà soát, điều chỉnh các mức phí quy định ở 4 Thông tư:

b1) Thông tư 286/2016/TT-BTC:

- *Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận thực phẩm xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu:*
 - *Đối với trường hợp phải kiểm tra, lấy mẫu tại DN: 350.000 đ/lô hàng*
 - *Đối với trường hợp chỉ kiểm tra hồ sơ: 100.000 đ/lô hàng*

Theo tổng hợp từ các phản ánh của DN, mức phí trên là cao và làm gia tăng chi phí đáng kể của DN khi mà trước đây DN không phải trả chi phí này. Theo đó, nếu lấy quy mô sản xuất XK như năm 2016 thì các DN sẽ phải chi trả thêm từ 100 triệu đồng đến hơn 1 tỷ đồng/năm cho mỗi DN, tùy quy mô nhà máy.

Trên nguyên tắc “*thu đủ bù chi phí*” của Luật Phí-Lệ phí và hiện trạng thực tế công tác này, một số điểm chưa sát, bất cập khi tính toán mức chi phí quy định trong Thông tư:

1) Chi phí đi kiểm tra, lấy mẫu tại nhà máy:

Theo tính toán của Cục NAFIQAD (*thông tin tại cuộc họp ngày 14/3/2017 tại Bộ Tài chính*): Phí thẩm định cấp giấy chứng thư cho lô hàng theo yêu cầu của nước NK được thực hiện/tính toán theo Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT của Bộ NN&PTNT. Còn với những lô hàng khác theo yêu cầu của DN là khách hàng hoặc yêu cầu của một số thị trường bắt buộc phải lấy mẫu qua CQTQ của Việt Nam thì thỏa thuận theo cơ chế giá.

Mức phí thẩm định đã được tính toán cụ thể dựa trên chi phí thực tế mà CQNN phải bỏ ra và đã được Bộ Tài chính thẩm định. Chi phí này không tính dựa trên chi phí đi kiểm tra lấy mẫu ở 1 DN mà tính theo một kiểm tra viên mỗi lần đi kiểm tra 3 DN, mỗi DN kiểm tra 3 lô hàng, tổng cộng là kiểm tra 9 lô/ngày theo hệ số kết hợp. Theo thông tin của NAFIQAD, hiện cơ quan này đang kiểm tra 587 DN thì: 175 DN có khoảng cách đến Trung tâm vùng là 50 km; 207 DN có khoảng cách 100 km, 155 DN có khoảng cách 150 km, 38 DN có khoảng cách 200km, 10 DN có khoảng cách 250km, 2 DN có khoảng cách 400 km.

Tuy nhiên:

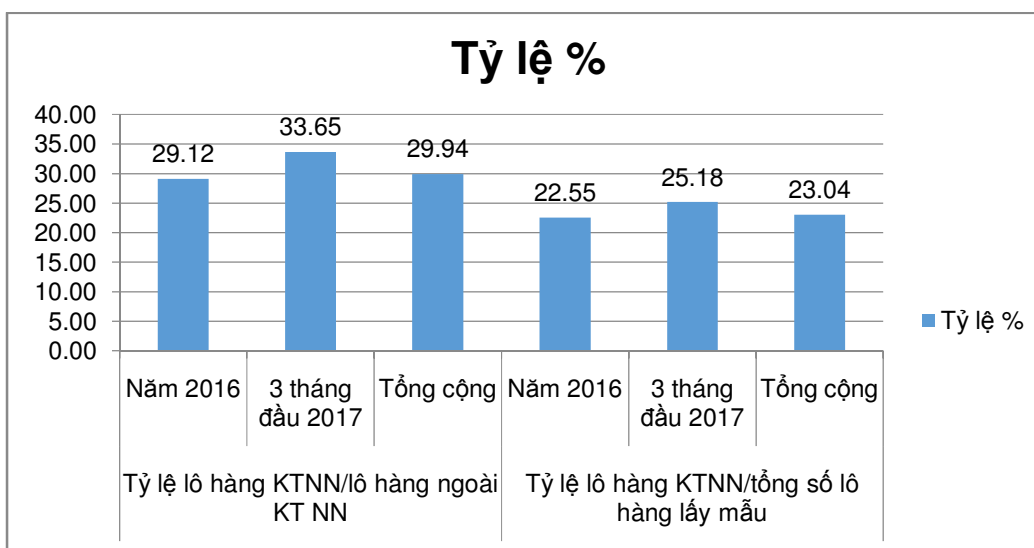
Trong thực tế theo tổng hợp của Hiệp hội: mỗi lần đi lấy mẫu, ngoài việc lấy mẫu để thẩm tra theo yêu cầu Nhà nước quy định tại TT 48/2013/TT-BNNPTNT thì số lớn hơn còn lại là lấy mẫu kiểm tra cấp giấy theo yêu cầu của khách hàng, của nước nhập khẩu và/hoặc kết hợp với kiểm tra điều kiện sản xuất của DN. Nếu từ ngày 1/1/2017, quy định tại TT286 phải thu thêm phí đi kiểm tra, lấy mẫu là 350.000 đ/lô hàng thì DN sẽ gánh thêm khoản chi phí không nhỏ vì trung bình mỗi tháng mỗi DN đều phải đề nghị kiểm tra, lấy mẫu từ hàng chục đến hàng trăm lô hàng (tùy quy mô DN) bao gồm cả kiểm tra theo yêu cầu của Nhà nước (TT 48/2013) và theo yêu cầu của khách hàng, của nước nhập khẩu.

Các DN thủy sản là đối tượng trực tiếp tuân thủ và chịu tác động của Luật Phí và lệ phí. Tổng hợp thực tế, số lô hàng thẩm tra theo TT 48/2013/TT-BNNPTNT chỉ chiếm tỷ lệ ít, từ 10% - 23% tổng số lô cần kiểm tra, lấy mẫu và cấp giấy. Tỷ lệ lớn 77-90% số lô hàng khác là theo yêu cầu có chứng nhận của NAFIQAD từ khách hàng hoặc từ nước nhập khẩu. NAFIQAD cũng là cơ quan thẩm quyền Việt Nam duy nhất để thực thi công việc này. Tuy nhiên, toàn bộ phí thẩm định lấy mẫu kiểm tra các lô hàng dù theo yêu cầu của TT48 hay của khách hàng thì đều đang áp tính theo đơn giá **350.000 đồng/lô** quy định tại TT 286 kể trên.

Như vậy, với DN – người chịu tác động trực tiếp của Luật Phí & Lệ phí, thấy rõ rằng mức phí thẩm định này là khoản phí hoàn toàn mới mà DN đang phải trả thêm từ 1/1/2017 theo TT286 không chỉ cao, mà còn chưa phù hợp với nguyên tắc “*thu bù đắp chi phí thực tế*”. Vì việc tính toán ra mức phí này thì dựa vào số lô hàng phải kiểm “theo TT 48/2013” chỉ chiếm số lượng ít hơn, nhưng lại áp dụng cho toàn bộ các lô hàng khác chiếm tỷ trọng đa số. Đặc biệt, ngay trong TT 286, khoản mục này cũng đã được quy định rõ là “*phí thẩm định cấp giấy chứng nhận thực phẩm xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu*” chứ không phải là chỉ riêng theo yêu cầu của “*quy định Việt Nam*”, nên việc tính toán và áp

dụng mức phí này chỉ dựa trên “quy định Việt Nam tại TT 48/2013” là chưa sát với yêu cầu và cả thực tế.

Theo thống kê của phía Hiệp hội, dựa trên khảo sát từ 41 DN bao gồm cả DN CB tôm, cá tra và hải sản trong năm 2016 và 3 tháng đầu năm 2017, số lượng các lô hàng phải kiểm tra nhà nước chiếm khoảng 23% tổng số lô hàng đăng ký kiểm tra, lấy mẫu của các DN (tương đương cứ 3 lô hàng thuộc diện phải kiểm tra Nhà nước thì có 10 lô hàng thuộc diện ngoài kiểm tra nhà nước). Do đó, với tính toán của NAFIQAD, nếu 1 ngày, cán bộ của NAFIQAD xuống 3 DN để lấy mẫu từ 9 lô hàng phải kiểm tra Nhà nước thì tương đương sẽ lấy kèm thêm 30 lô hàng ngoài kiểm tra Nhà nước trong khi chi phí đi lại, phòng nghỉ, công tác phí là không thay đổi.



Sơ đồ: Tỷ lệ lô hàng thuộc diện kiểm tra nhà nước và ngoài kiểm tra nhà nước trung bình trong năm 2016 và 3 tháng đầu năm 2017

Các chi phí kiểm hàng hiện tại của DN đều đang tăng quá nhiều so với năm 2016. Với mức phí cấp giấy chứng nhận TPXK 350.000 đ/lô hàng như trên bắt đầu thu từ 1/1/2017, DN đang gánh thêm 1 chi phí rất lớn. Với mức phí này, nếu lấy quy mô sản xuất XK như năm 2016 thì trong năm 2017, chi riêng chi phí cấp giấy chứng nhận TPXK, trung bình một DN sẽ phải mất thêm chi phí 148,8 triệu đồng/năm (gồm 33,4 triệu đồng cho phí cấp giấy cho lô hàng kiểm tra Nhà nước và 115,4 triệu cho phí cấp giấy chứng nhận cho lô hàng ngoài kiểm tra Nhà nước), tăng hơn **8,75 lần** so với các chi phí này trong năm 2016.

Kiến nghị: Bộ Tài chính rà soát, sửa đổi mức phí kiểm tra, lấy mẫu tại nhà máy phục vụ việc cấp giấy chứng nhận TPXK này xuống mức phù hợp theo nguyên tắc quy định của Luật phí và lệ phí 2015.

2) Phí thẩm định xác nhận kiến thức ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Bộ Công Thương và Bộ Y tế đã hoàn toàn ủy quyền giao cho các cơ quan trực thuộc tại các địa phương (xã hội hóa) thực hiện xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở để hỗ trợ tối đa cho các doanh nghiệp. Trong khi đó, Bộ NNPTNT vẫn đang chia DN ra 2 nhóm đối tượng để xác nhận kiến thức ATTP do 2 cấp trung ương và địa phương cùng thực hiện với 2 mức phí khác nhau (*cấp trung ương là 50.000 đ/lần người, cấp địa phương là 30.000 đ/lần*

người). Trong khi đó, về bản chất thực hiện, việc xác nhận kiến thức ATTP trong tất cả các doanh nghiệp chế biến thực phẩm ở cả hai cấp đều tương tự nhau, và cũng chưa thấy yêu cầu/quy định cụ thể của thị trường nào đối với người lao động trong nhà máy CBTS v/v phải có xác nhận kiến thức của CQTQ cấp Trung ương của nước XK.

Kiến nghị: Để đảm bảo sự công bằng và phù hợp, Bộ Tài chính xem xét để áp dụng chung một cơ chế và một mức phí **30.000 đồng/lần người** về xác nhận kiến thức ATTP cho tất cả các ngành chế biến thực phẩm do cả ba bộ (Bộ NNPTNT, Bộ Y tế và Bộ Công Thương) thực hiện.

b2) Thông tư 279/2016/TT-BTC:

➤ **Phí thẩm định hồ sơ công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định ATTP**

Mức phí tại Biểu phí ban hành kèm theo Thông tư 279: *“Thẩm định hồ sơ công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (trừ thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng); phụ gia thực phẩm; chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; các thực phẩm là thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm; công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định đối với thuốc lá:*

- Công bố lần đầu: 500.000 đồng /lần/sản phẩm

- Công bố lại: 300.000 đồng /lần/sản phẩm”

Kiến nghị: Bộ Tài chính rà soát quy định lại mức thu này cho phù hợp, kiến nghị mức thu *“thẩm định hồ sơ...”* là không quá 200.000 đồng/lần cho công bố lần đầu và không quá 100.000 đ/lần đối với công bố lại. Đồng thời, đề nghị Bộ Y tế có hướng dẫn để các Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm tại các tỉnh, thành phố tuân thủ thực hiện việc gia hạn công bố sau 5 năm đối với sản phẩm đã từng có giấy xác nhận công bố, không phải làm thủ tục như công bố lần đầu.

Lý do:

a) Thủ tục thẩm định hồ sơ công bố lần đầu hoặc công bố lại cho sản phẩm thực phẩm cũng tương tự với các thủ tục thẩm định hồ sơ của các Bộ khác nhưng mức phí lại cao hơn các thủ tục này gấp nhiều lần (ví dụ thủ tục thẩm định cấp giấy chứng nhận thực phẩm XK theo yêu cầu của nước nhập khẩu - trong trường hợp chỉ kiểm tra hồ sơ (không đi kiểm tra, lấy mẫu) tại Thông tư 286 đã quy định chỉ là 100.000 đ/lô hàng.

Như vậy, mức phí thẩm định hồ sơ 500.000 đ/lần/sản phẩm đối với công bố lần đầu và 300.000 đ/lần/sản phẩm đối với công bố lại là chưa có cơ sở khi việc thẩm định hồ sơ chỉ là các công tác hành chính tại chỗ như tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, xác nhận trên giấy tờ, tài liệu, không phải xuống DN để lấy mẫu và không tốn nhiều nhân lực và chi phí (chỉ tương tự như thủ tục xem xét hồ sơ để cấp giấy chứng nhận TPXK trong Thông tư 286 với mức phí là 100.000 đ).

Thống kê của một DN hải sản tại Tp. HCM cho thấy DN đã làm xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP trong năm 2016 cho 34 sản phẩm mới và 3 tháng đầu năm 2017 cho 5 sản phẩm mới, tức là trung bình 2 – 3 sản phẩm/tháng (do hiện tại, một số Chi cục ATTP các tỉnh, thành phố trong đó có Chi cục ATVSTP tại Tp. Hồ Chí Minh vẫn không cho phép DN được công bố lại sản phẩm mà phải làm lại thủ tục như công bố lần đầu với mức phí công bố là 500.000 đ/sản phẩm). Như vậy, tính trung bình một năm (theo quy mô

của năm 2016), chi riêng chi phí cho phí thẩm định hồ sơ công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm để làm xác nhận công bố mới của công ty đã lên tới 17.000.000 đ. Nếu giảm mức phí xuống không quá 200.000 đ/lần/sản phẩm thì chi phí này của công ty chỉ còn là 6.800.000 đồng.

b) Ngoài chi phí cho phí thẩm định hồ sơ công bố và phí kiểm nghiệm sản phẩm (khi nộp hồ sơ công bố lần đầu và định kỳ 1 năm/lần), các DN còn có nguy cơ phát sinh thêm các chi phí loại bỏ bao bì cũ và in ấn bao bì mới cho các sản phẩm hết hạn công bố do các sản phẩm này không được Chi cục ATVSTP Tp. Hồ Chí Minh cho phép công bố lại (DN phải thay bao bì sản phẩm do số hiệu của bản công bố của sản phẩm đã thay đổi).

b3) Thông tư 230/2016/TT-BTC:

➤ ***Phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản***

Mức phí tại Biểu phí ban hành kèm theo **Thông tư 230**: *Phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản: 700.000 đồng/lần.*

Kiến nghị:

Bộ Tài chính rà soát, điều chỉnh mức Phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản xuống không quá **100.000 đồng/lần.**

Lý do:

a) Việc “bù đắp chi phí” như quy định trong luật cần phải tính toán sát thực với quy định và thực tế của công việc này. Theo phản ánh của các DN, mức **700.000 đ/lần** là quá cao & chưa có cơ sở khi hoạt động Thẩm định này hiện nay chủ yếu chỉ bao gồm các công tác hành chính như tiếp nhận hồ sơ từ DN, kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với các dữ liệu khai thác của tàu thuyền, cảng cá, kiểm tra việc mua hàng thực tế tại cảng (chỉ đối với dưới 5% số lô để thẩm tra) và cấp giấy xác nhận.

b) Mức phí này quá cao làm tăng gánh nặng chi phí cho DN trong bối cảnh DN đang gặp nhiều khó khăn và đang rất cần được hỗ trợ nâng cao khả năng cạnh tranh. Trong thực tế hiện nay, các lô hàng XK sang EU và sắp tới là thị trường Hoa Kỳ đều phải xin cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác. Do đó, chi phí xác nhận nguyên liệu cho một lô hàng XK là một con số không nhỏ, và điều dễ hiểu đó là chi phí mà DN phải trả thêm tính từ 1/1/2017.

Theo thống kê của Hiệp hội, dựa trên khảo sát từ gần 30 DN CB XK hải sản trong năm 2016 và 3 tháng đầu năm 2017 bao gồm cả những DN lớn và rất nhỏ, chi phí cấp giấy xác nhận nguồn gốc nguyên liệu hải sản đi EU ước tính trong 1 năm (quy theo quy mô NK năm 2016) là 31.600.000 đồng/1 DN/năm (trước đây không thu). Chi tiết xin xem Bảng 1 bên dưới!.

Đặc biệt, đối với nhóm các DN chế biến XK các sản phẩm cá ngừ thì số lượng giấy xác nhận nguồn gốc là khá lớn, từ vài trăm đến hàng nghìn giấy/năm do đặc tính thu gom cá nguyên liệu từ nhiều tỉnh trong nhiều đợt. Theo quy mô sản xuất như 2016, chi phí phát sinh từ hạng mục này cũng từ 100 triệu đồng đến gần 1 tỷ VND/năm/DN.

Bảng 1. Chi phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu TS trung bình cho 01 nhà máy chế biến hải sản XK

(áp dụng cho các DN có xuất khẩu hải sản cần giấy XNNGNL để XK sang EU)

Đơn vị tính: đồng

| Stt | Hạng mục | Năm 2016 | 3 tháng đầu 2017 | Ghi chú |
|-----|---|---|------------------|---------|
| 1 | Tổng số lô hàng hải sản (có nguồn gốc từ biển) XK sang EU | 51,0 | 11,0 | |
| 2 | Số lần xin giấy xác nhận nguồn gốc nguyên liệu hải sản: | 45,1 | 4,9 | |
| 3 | Trung bình số lần xin Giấy/tháng: | 3,8 | 0,4 | |
| 4 | Đơn giá phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu hải sản (đồng / lần) | 0 | 700.000 | |
| 5 | Thành tiền (số lần x phí/lần) | 0 | 3.400.000 | |
| 6 | Tổng chi phí cấp giấy XNNG NL để XK ước tính trung bình 1 năm (tính trung bình quy theo năm 2016) | 45,1 lần/năm x 700.000 đ/lần = 31.600.000 đ/năm | | |

b4) Thông tư 285: Phí kiểm dịch cho lô hàng nhập khẩu:

Mức phí tại Biểu phí ban hành kèm theo Thông tư 285:

I.1. Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyển cửa khẩu: 70.000 đồng/lần

II.3.1. Kiểm dịch sản phẩm động vật đông lạnh: 200.000 đ/container

Phí và lệ phí kiểm dịch thú y sau khi Thông tư 285 có hiệu lực đã tăng lên nhiều lần so với trước đây. Cụ thể: trước đây chỉ thu lệ phí cấp giấy kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu là 40.000 đ/lần. Ngoài ra, đối với lô hàng NK để kinh doanh còn thêm phí kiểm mẫu tính trung bình khoảng **1.000.000 đồng/lô**.

Hiện nay, theo Thông tư 285/2016/TT-BTC mức thu là 270.000 đ/lô hàng, gồm lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch 70.000 đ/lần (Khoản 1 Mục I Thông tư 285) và phí Kiểm dịch sản phẩm động vật đông lạnh 200.000 đ/lô (Khoản 3.1 Mục III Thông tư 285). Ngoài ra, đối với lô hàng NK để kinh doanh còn thêm phí kiểm mẫu tính trung bình là **4.278.000 đ/lô** đối với **1 mặt hàng**, nếu lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì phí này sẽ nhân

lên với số mặt hàng (theo Quyết định 1767/QĐ-TY của Trung tâm Thú y Vùng 6 và bắt đầu áp dụng từ năm 2017).

Tóm tắt:

| Hạng mục | Đơn giá cho lô hàng NK để SXKX (đồng) | | Đơn giá cho lô hàng NK để kinh doanh (đồng) | |
|----------------------------------|---------------------------------------|----------------|---|------------------|
| | 2016 | 2017 | 2016 | 2017 |
| Lệ phí cấp giấy kiểm dịch | 40.000 | 70.000 | 40.000 | 70.000 |
| Phí kiểm dịch thủy sản đông lạnh | 0 | 200.000 | 0 | 200.000 |
| Kiểm nghiệm lô hàng | 0 | 0 | 1.005.000 | 4.278.000 |
| CỘNG | 40.000 | 270.000 | 1.045.000 | 4.548.000 |

Theo thống kê của Hiệp hội, so sánh chi phí trước và sau khi có thông tư 285 thì chi phí DN phải nộp thêm cho hoạt động này gồm cả phí, lệ phí cấp giấy kiểm dịch và kiểm mẫu (hàng nhập KD) đã tăng lên gấp hơn **4 lần** đối với lô hàng có 1 mặt hàng, trong trường hợp nếu lô hàng có nhiều mặt hàng thì chi phí sẽ tăng thêm nhiều hơn nữa (chi tiết xin xem Bảng 2 bên dưới).

Cụ thể là:

- Chi phí kiểm dịch cho lô hàng NK để SXKX trung bình ước tính trong 1 năm (quy theo quy mô NK năm 2016) tính theo mức phí mới đã tăng **6,75 lần** so với năm 2016 (từ 3.920.000 đ tăng lên 26.460.000 đ).
- Chi phí kiểm dịch cho lô hàng NK để SXKD trung bình ước tính trong 1 năm (quy theo quy mô NK năm 2016) tính theo mức phí mới đã tăng **4,35 lần** so với năm 2016.

Bảng 2. Chi phí kiểm dịch thú y trung bình cho 01 DN chế biến hải sản XK
(áp dụng cho các DN có nhập khẩu nguyên liệu thủy-hải sản)

Đơn vị tính: đồng

| Stt | Hạng mục | Năm 2016 | 3 tháng đầu 2017 | Ghi chú |
|-----|---|------------------|------------------|---------|
| | Số lô hàng NK để SXKX phải kiểm dịch thú y | | | |
| 1 | Tên mặt hàng | | | |
| 2 | Tổng số lô đã nhập khẩu: | 98 | 27 | |
| 3 | Mức phí cấp giấy chứng nhận: (đ/lô hàng) | 40.000 | 270.000 | |
| 4 | Phí và lệ phí chứng nhận kiểm dịch phải chi trả | 3.920.000 | 7.290.000 | |

| Stt | Hạng mục | Năm 2016 | 3 tháng đầu 2017 | Ghi chú |
|-----|---|---|------------------|---------|
| 5 | Tổng chi phí NK để SXKK cho 1 năm (tính trung bình quy theo năm 2016 với mức phí mới) | 98 lô/năm x 270.000 đ/lô = 26.460.000 đồng/năm | | |
| 6 | Tỷ lệ tăng lên so với năm 2016 | 6,75 lần | | |

Kiến nghị: Bộ Tài chính rà soát điều chỉnh mức thu không nên quá **40.000 đồng/lần** đối với Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch (mục I.1) và không quá **100.000 đ/container** đối với Phí kiểm dịch sản phẩm động vật đông lạnh (mục II.3.1).

III. VỚI MỘT SỐ NỘI DUNG THUỘC THẨM QUYỀN BỘ TN-MT:

1. Về chất thải rắn:

DN đã có hợp đồng với đơn vị thu gom, tái chế để xử lý rác thải CN (bao bì carton hư, nylon, sắt vụn, nhựa,...). Mỗi lần giao nhận đều có hóa đơn. Tuy nhiên, đoàn Thanh tra TCMT yêu cầu phải đơn vị thu gom phải có hồ sơ chứng minh đã xử lý, tái chế, nếu không sẽ bị phạt. Đơn vị thu gom từ chối cung cấp hồ sơ và tại địa phương cũng không có cơ sở thu gom nào có đủ hồ sơ như yêu cầu.

Kiến nghị: Bộ TNMT cho phép nếu tại địa phương không có cơ sở thu gom, tái chế, xử lý rác thải CN cung cấp được hồ sơ chứng minh hoạt động tái chế, xử lý rác thải của họ thì không xử phạt DN.

2. Về nước thải:

- a. Về QCVN được áp dụng: Nhà máy nằm trong Khu CN thì phải áp dụng ngưỡng các chỉ tiêu nước thải theo QCVN 40: 2011/BTNMT về nước thải CN, không được áp dụng QCVN 11:2015/BTNMT về nước thải chế biến thủy sản. Điều này tạo ra sự không công bằng giữa các DN trong Khu CN và các DN nằm ngoài Khu CN.

Kiến nghị: Bộ TNMT cho phép: các NM trong KCN khi đầu nối vào hệ tập trung thì vẫn được áp dụng theo QCVN 11:2015/BTNMT.

- b. Về bùn thải: Bùn thải của nhà máy thủy sản là chất thải không gây nguy hại. Kiến nghị: Bộ TNMT cho phép bỏ không kiểm bùn thải do tốn chi phí không cần thiết (chi phí kiểm lên tới 60 – 80 triệu/năm).
- c. Về các chỉ tiêu N, P trong nước thải: trong thực tế SX của các DN đang có một số bất cập sau:
 - Nước thải của các công ty chế biến tôm đi Mỹ có chỉ tiêu Phospho cao (từ 2-3 lần đến 8-10 lần so với QCVN 11:2015) do yêu cầu của khách hàng Mỹ đòi hỏi sử dụng nhiều Phosphate trong quá trình CB. Việc xử lý Phospho theo đúng yêu cầu làm cho DN tốn chi phí rất lớn nhưng nước thải sau xử lý vẫn không thể đạt được theo đúng mức giới hạn tối đa cho phép mà QCVN yêu cầu.
 - Xử lý Phospho rất khó do nếu DN sử dụng nước ngầm trong sản xuất thì chỉ tiêu Phospho có sẵn trong nước đã lên mức 19 mg/l (QCVN 11:2015 chỉ cho phép chỉ tiêu Phospho trong nước thải là 20 mg/l) nên sau quá trình SX của DN thì mức Phospho đã vượt quá mức cho phép theo quy định của QCVN 11:2015.

- Các nước khác tại ASEAN không có Phospho trong Tiêu chuẩn về môi trường trong khi Việt Nam lại quy định quá cao. Điều này gây ảnh hưởng bất lợi tới khả năng cạnh tranh của DN.
- Tại các công ty chuyên SX Surimi, nước rửa cá thường có dư lượng Phospho và Nitơ rất cao, đặc biệt là dư lượng Nitơ (do công nghệ chế biến đòi hỏi phải sử dụng nước để rửa trôi các protein hòa tan trong thịt cá). Do đó gần như không có Nhà máy nào đạt chỉ tiêu Nitơ, mà thường vượt ngưỡng dư lượng tối đa cho phép của QCVN.
- Đoàn Thanh tra môi trường lấy mẫu kiểm tại 3 thời điểm khác nhau và các mẫu này cho các kết quả phân tích khác nhau, nhưng Đoàn lại chọn giá trị vi phạm cao nhất để xử phạt. Ngoài ra, việc chuyên mẫu đi đến phòng kiểm nghiệm để phân tích cũng mất khoảng vài ngày và điều này có thể ảnh hưởng đến dư lượng các chất trong nước thải, nhất là chỉ tiêu Nitơ, dẫn đến kết quả phân tích không phản ánh chính xác mức dư lượng thật sự của các chỉ tiêu trong nước thải của các Nhà máy.

Kiến nghị:

- Nâng giới hạn tối đa cho phép của chỉ tiêu Phospho và Nitơ tại QCVN 11:2015 lên cao (trên cơ sở thuê hoặc tham vấn các Trường, Viện Nghiên cứu hoặc các về môi trường có các báo cáo độc lập làm cơ sở cho kiến nghị ngưỡng tối đa cho phép) và có lộ trình cho phép để DN thủy sản có thể hạ dần dư lượng Phospho và Nitơ trong nước thải của DN xuống đạt giới hạn tối đa cho phép.
- Các đoàn Thanh tra Môi trường nên lấy kết quả trung bình của các mẫu kiểm để làm căn cứ xử phạt nhằm đảm bảo công bằng cho các DN.

3. Các vấn đề chung:

- Về Phương án Bảo vệ Môi trường:* theo Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016, các Nhà máy phải làm Báo cáo ĐTM (đối tượng thuộc Điều 21 Thông tư 31/2016 và Phụ lục II Nghị định 18/2015/NĐ-CP) đều phải làm Phương án Bảo vệ môi trường. Điều này là không cần thiết và làm mất thêm thời gian và chi phí của DN.

Kiến nghị: Nếu nhà máy chưa có Báo cáo ĐTM thì phải làm Phương án Bảo vệ Môi trường; còn Nhà máy đã có ĐTM thì không cần phải làm.

- Vai trò, vị trí, trách nhiệm của Sở TNMT; khung pháp lý cho thủ tục đánh giá của Cơ quan Môi trường:*

- DN cần có báo cáo định kỳ 1-2 lần/năm theo Báo cáo ĐTM lên Sở TNMT, nhưng DN không nhận được phản hồi nào từ Sở. Tuy nhiên, khi đoàn Thanh tra của Tổng cục Môi trường đến đánh giá thì kết luận là DN SAI. Như vậy, vai trò của Sở TNMT là như thế nào khi mà Đoàn Thanh tra của Tổng cục Môi trường đều áp tất cả các lỗi cho DN trong khi nhiều vấn đề về hồ sơ/thủ tục giữa DN và Sở TNMT đều đã được phản ánh, báo cáo tới Sở nhưng Sở không có bất cứ phản hồi nào.
- Một số nhà máy có kế hoạch cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và đã có văn bản báo cáo và xin phép gửi tới Sở TNMT. Trong thời gian cải tạo, nâng cấp này, dung lượng nước xả thải của nhà máy không đạt chuẩn cũng rất hạn chế và chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn (do Nhà máy vẫn phải duy trì một phần SX để đảm bảo đơn hàng và đời sống cho người lao động). Tuy

nhiên, khi Đoàn Thanh tra của Tổng cục Môi trường tiến hành thanh tra trong thời gian đơn vị đang cải tạo, xử lý hệ thống nước thải đã đánh giá nước thải của DN không đạt và xử phạt DN.

Kiến nghị: Đề nghị Bộ TNMT làm rõ vai trò, vị trí, trách nhiệm của Sở TNMT trong việc quản lý cũng như hỗ trợ các vấn đề về môi trường đối với các DN cũng như làm rõ khung pháp lý cho thủ tục đánh giá của các cơ quan quản lý môi trường.

c. *Giá trị pháp lý các số liệu quan trắc online:*

Theo Thông tư 31/2016/TT-BTNMT quy định đối với nhà máy có công suất nước thải >1.000m³/ngày đêm thì phải lắp hệ thống quan trắc tự động. Nhưng con số quan trắc online có được Bộ TNMT công nhận giá trị pháp lý hay không thì trong Thông tư 31 hay các văn bản pháp lý khác của Bộ TNMT không nêu rõ.

Kiến nghị: Tính pháp lý các con số đo được từ hệ thống quan trắc tự động với những nhà máy có công suất nước thải >1.000m³/ngày đêm cần có khung pháp lý rõ ràng hơn.

Những vướng mắc, bất cập và kiến nghị nêu trên đã được Hiệp hội VASEP có văn bản chính thức gửi tới Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ TNMT, Viện Nghiên cứu QLKTU. Ngày 03/5/2017, Văn phòng Chính phủ cũng đã ban hành 2 công văn số 4476 VPC//KSTT và 4477 VPC//KSTT gửi Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên Môi trường yêu cầu các Bộ có báo cáo trình Văn phòng Chính phủ về các khó khăn, vướng mắc của DN thủy sản để chuẩn bị tổ chức đối thoại. Hiện nay, Hiệp hội và các DN thủy sản vẫn đang chờ phản hồi và các Hội nghị đối thoại từ các Bộ Ngành trên.

Trong bối cảnh các DN thủy sản vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong năm 2017, để hỗ trợ các DN thủy sản kịp thời giảm bớt các khó khăn, tạo môi trường thông thoáng và thuận lợi cho kinh doanh xuất khẩu thủy sản, tạo điều kiện hỗ trợ DN nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, Hiệp hội VASEP xin được báo cáo về các vướng mắc, bất cập trong các quy định ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của DN thủy sản Việt Nam với Quý Bộ và trân trọng đề nghị Quý Bộ xem xét, có ý kiến với Chính phủ và các Bộ Ngành khác nhằm tháo gỡ các vướng mắc nêu trên.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Trần Quốc Khánh;
- Cục XNK;
- Chủ tịch HH và các PCT HH;
- VPDD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

**TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM
TỔNG THỦ KÝ HIỆP HỘI**


Trương Đình Hòa